**Trường THCS Bưng Riềng**
**Năm học 2017 - 2018**
**Học kỳ 2**

# THỜI KHOÁ BIỂU SỐ 4

## BUỔI SÁNG

**Thực hiện từ ngày 08 tháng 01 năm 2018**

| THỨ | TIẾT | 6A1 (Phước) | 6A2 (Hà) | 6A3 (Hạnh) | 6a4 (Thuỷ) | 7A1 (P.Trung) | 7A2 (Thanh) | 7A3 (Chính) | 7A4 (Tú) | 8A1 (Nga) | 8A2 (Hoài) | 8A3 (Minh) | 9A1 (Cường) | 9A2 (Huyến) | 9A3 (Trường) | 9a4 (Nhiệm) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ |
| | 2 | NNgữ - Phước | CNghệ - Hà | Lý - Hạnh | Tin - V.Trung | Văn - THAO BTO | NNgữ - Nga | NNgữ - P.Trung | MT - Luyến | Tin - Hà.T | Nhạc - Thanh | Hoá - Hoài | Sinh - Oanh | Hoá - Huyến | Văn - Bình | Văn - Nhiệm |
| | 3 | Toán - Tuân | Toán - Thuỷ | Văn - Bình | Nhạc - Thanh | Văn - THAO BTO | GDCD - ĐIỄP | Sinh - Tú | NNgữ - P.Trung | NNgữ - Nga | Toán - S.Trung | Toán - V.Trung | Văn - Nhiệm | NNgữ - Phước | Sử - Minh | Hoá - Hoài |
| | 4 | Nhạc - Thanh | NNgữ - Phước | Toán - Hà.T | Toán - Thuỷ | CNghệ - Hạnh | Văn - THAO BTO | Toán - S.Trung | Sinh - Tú | Toán - V.Trung | Hoá - Hoài | NNgữ - Nga | Tin - Tuân | Lý - Trường | NNgữ - P.Trung | Toán - Cường |
| | 5 | Tin - V.Trung | Lý - Hạnh | NNgữ - Phước | Văn - ĐIỄP | NNgữ - P.Trung | Toán - S.Trung | Tin - Hà.T | Văn - THAO BTO | MT - Luyến | Văn - thao BC | Nhạc - Thanh | Toán - Cường | Sử - Minh | Sinh - Oanh | Tin - Tuân |
| 3 | 1 | Tin - V.Trung | CNghệ - Hà | Nhạc - Thanh | Văn - ĐIỄP | Địa - Chính | CNghệ - Hoài | Sử - Hoa | Lý - Hạnh | Sử - Minh | Sinh - Oanh | Địa - Huyến | Thể - Xiếu | Toán - Phương | Toán - Cường | Văn - Nhiệm |
| | 2 | Văn - ĐIỄP | Địa - Hoài | Thể - Xiếu | MT - Luyến | Toán - Thuỷ | Địa - Chính | Toán - S.Trung | GDCD - Hoa | Lý - Hà | Địa - Huyến | Toán - V.Trung | Sinh - Oanh | Lý - Trường | Sử - Minh | Toán - Cường |
| | 3 | Văn - ĐIỄP | Toán - Thuỷ | CNghệ - Hạnh | Thể - Xiếu | Sử - Hoa | Toán - S.Trung | NNgữ - P.Trung | Địa - Chính | Toán - V.Trung | NNgữ - Nga | Văn - Nhiệm | Lý - Trường | MT - Luyến | Hoá - Hoài | NNgữ - Phước |
| | 4 | Sinh - Oanh | Tin - V.Trung | Sử - Hoa | NNgữ - Phước | CNghệ - Hạnh | Nhạc - Thanh | CNghệ - Phượng | Toán - S.Trung | Văn - thao BC | Lý - Hà | Văn - Nhiệm | NNgữ - P.Trung | Thể - Xiếu | Tin - Tuân | Địa - Huyến |
| | 5 | | | | | NNgữ - P.Trung | Lý - Hạnh | MT - Luyến | CNghệ - Phượng | Văn - thao BC | CNghệ - Hà | NNgữ - Nga | Địa - Huyến | NNgữ - Phước | Lý - Trường | Sử - Minh |
| 4 | 1 | GDCD - Hoa | Toán - Thuỷ | CNghệ - Hạnh | CNghệ - Hà | Tin - Hà.T | Sinh - Tú | Toán - S.Trung | Văn - THAO BTO | Hoá - Hoài | Văn - thao BC | Văn - Nhiệm | Hoá - Huyến | Sinh - Oanh | Thể - Xiếu | NNgữ - Phước |
| | 2 | NNgữ - Phước | Sinh - Tú | Toán - Hà.T | Toán - Thuỷ | Sử - Hoa | CNghệ - Hoài | Địa - Chính | Văn - THAO BTO | Địa - Huyến | Văn - thao BC | Sinh - Oanh | Toán - Cường | GDCD - Minh | Văn - Bình | Văn - Nhiệm |
| | 3 | CNghệ - Hạnh | Thể - Xiếu | GDCD - Hoa | Sinh - Tú | Toán - Thuỷ | Tin - Hà.T | NNgữ - P.Trung | Toán - S.Trung | CNghệ - Hà | GDCD - THAO BTO | Hoá - Hoài | Tin - Tuân | Văn - Bình | Toán - Cường | Văn - Nhiệm |
| | 4 | Thể - Xiếu | Sử - Hoa | Văn - Bình | NNgữ - Phước | Lý - Hạnh | Toán - S.Trung | Văn - THAO BTO | Địa - Chính | Văn - thao BC | Tin - Hà.T | Sử - Minh | Văn - Nhiệm | Địa - Huyến | Lý - Trường | Sinh - Oanh |
| | 5 | Toán - Tuân | NNgữ - Phước | Văn - Bình | Địa - Chính | | | | | Tin - Hà.T | Địa - Huyến | GDCD - THAO BTO | Sử - Minh | CNghệ - Trường | NNgữ - P.Trung | Toán - Cường |
| 5 | 1 | Văn - ĐIỄP | MT - Luyến | Tin - V.Trung | Sinh - Tú | Toán - Thuỷ | Tin - Hà.T | Văn - THAO BTO | Toán - S.Trung | NNgữ - Nga | Hoá - Hoài | Lý - Hà | Văn - Nhiệm | Sinh - Oanh | Toán - Cường | Thể - Xiếu |
| | 2 | Toán - Tuân | Văn - ĐIỄP | Toán - Hà.T | Sử - Hoa | Sinh - Tú | Văn - THAO BTO | Toán - S.Trung | NNgữ - P.Trung | Toán - V.Trung | NNgữ - Nga | MT - Luyến | Văn - Nhiệm | Văn - Bình | Thể - Xiếu | Toán - Cường |
| | 3 | CNghệ - Hạnh | Tin - V.Trung | Sinh - Tú | Toán - Thuỷ | NNgữ - P.Trung | Văn - THAO BTO | Sử - Hoa | Tin - Hà.T | Hoá - Hoài | MT - Luyến | CNghệ - Hà | Thể - Xiếu | Văn - Bình | Sinh - Oanh | Tin - Tuân |
| | 4 | MT - Luyến | Toán - Thuỷ | Thể - Xiếu | Lý - Hạnh | Văn - THAO BTO | NNgữ - Nga | Tin - Hà.T | Sử - Hoa | Sinh - Oanh | Toán - S.Trung | Văn - Nhiệm | Toán - Cường | Toán - Phương | Văn - Bình | Hoá - Hoài |
| | 5 | Sinh - Oanh | GDCD - Hoa | MT - Luyến | Tin - V.Trung | Văn - THAO BTO | Sinh - Tú | Lý - Hạnh | CNghệ - Phượng | | | | NNgữ - P.Trung | Tin - Tuân | Hoá - Hoài | Văn - Nhiệm |
| 6 | 1 | Thể - Xiếu | Văn - ĐIỄP | Toán - Hà.T | NNgữ - Phước | MT - Luyến | Văn - THAO BTO | GDCD - Bình | Sinh - Tú | Nhạc - Thanh | Toán - S.Trung | Toán - V.Trung | Hoá - Huyến | Tin - Tuân | CNghệ - Trường | Sinh - Oanh |
| | 2 | Văn - ĐIỄP | Thể - Xiếu | Địa - Chính | GDCD - Hoa | Tin - Hà.T | NNgữ - Nga | Văn - THAO BTO | Nhạc - Thanh | Sinh - Oanh | Toán - S.Trung | Toán - V.Trung | GDCD - Minh | Hoá - Huyến | Tin - Tuân | Lý - Trường |
| | 3 | Toán - Tuân | NNgữ - Phước | Sinh - Tú | Thể - Xiếu | Nhạc - Thanh | Sử - Hoa | Văn - THAO BTO | Toán - S.Trung | NNgữ - Nga | Sinh - Oanh | Tin - Hà.T | Sử - Minh | Toán - Phương | Văn - Bình | GDCD - Chính |
| | 4 | Sử - Hoa | Nhạc - Thanh | NNgữ - Phước | Văn - ĐIỄP | GDCD - Bình | Địa - Chính | Sinh - Tú | Văn - THAO BTO | Toán - V.Trung | Tin - Hà.T | Địa - Huyến | CNghệ - Trường | Toán - Phương | MT - Luyến | Sử - Minh |
| | 5 | NNgữ - Phước | Sinh - Tú | Tin - V.Trung | Văn - ĐIỄP | Địa - Chính | Toán - S.Trung | CNghệ - Phượng | Sử - Hoa | GDCD - THAO BTO | Văn - thao BC | Sinh - Oanh | Lý - Trường | Văn - Bình | GDCD - Minh | MT - Luyến |
| 7 | 1 | Lý - Hạnh | Văn - ĐIỄP | NNgữ - Phước | Toán - Thuỷ | Sinh - Tú | MT - Luyến | Nhạc - Thanh | Tin - Hà.T | Văn - thao BC | Sử - Minh | NNgữ - Nga | Toán - Cường | Văn - Bình | Địa - Huyến | Lý - Trường |
| | 2 | Địa - Hoài | Văn - ĐIỄP | Văn - Bình | CNghệ - Hà | Toán - Thuỷ | Sử - Hoa | Địa - Chính | NNgữ - P.Trung | Địa - Huyến | NNgữ - Nga | Tin - Hà.T | Văn - Nhiệm | Sử - Minh | Toán - Cường | Thể - Xiếu |
| | 3 | SHL | SHL | SHL | SHL | SHL | SHL | SHL | SHL | SHL | SHL | SHL | MT - Luyến | Thể - Xiếu | Văn - Bình | CNghệ - Trường |
| | 4 | | | | | | | | | | | | SHL | SHL | SHL | SHL |
| | 5 | | | | | | | | | | | | | | | |